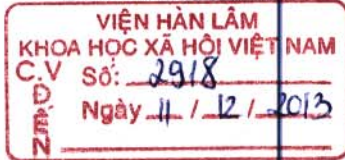


**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 187/2013/TT-BTC



Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2013

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT  
BAN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Số: 422/KHFC

ĐẾN Ngày: 13/12/2013

Chuyên: ngân sách nhà nước năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2013/QH13 của Quốc hội về điều chỉnh dự toán nhà nước năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2013/QH13 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014 như sau:

**Điều 1. Thu vào ngân sách nhà nước đối với cổ tức được chia năm 2013 và năm 2014 cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu**

1. Cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần do các Bộ, ngành, địa phương làm đại diện chủ sở hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị (nếu có) quy định tại Điều này gồm:

- Số cổ tức được chia theo quyết toán tài chính năm 2013 và năm 2014 (bao gồm cả số cổ tức tạm chia của năm 2013, năm 2014);

- Số cổ tức của các năm trước được chia trong năm 2013, năm 2014.

2. Số thu cổ tức nộp ngân sách nhà nước quy định tại Điều này được điều tiết 100% cho ngân sách Trung ương.

3. Việc khai, nộp ngân sách nhà nước đối với số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước theo quy định tại Điều này được thực hiện như sau:

a) Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước theo quy định tại Điều này phải được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (gọi tắt là Quỹ) đặt tại Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là SCIC) chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (nếu có). SCIC nộp vào ngân sách nhà nước chậm nhất không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu tiền về Quỹ.

SCIC kê khai số cổ tức quy định tại điểm này với cơ quan thuế nơi kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Tờ khai mẫu số 01/CTĐC và Bảng kê mẫu số 01-1/CTĐC ban hành kèm theo Thông tư này chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng thu được số cổ tức được chia vào Quỹ.

b) Đối với số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước quy định tại Điều này đã nộp về Quỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến hết ngày 10 tháng 12 năm 2013, SCIC nộp vào ngân sách nhà nước trước ngày 15 tháng 12 năm 2013, đồng thời sao gửi chứng từ nộp tiền cho cơ quan thuế cùng thời điểm nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

4. Khoản thu ngân sách nhà nước đối với cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước quy định tại Điều này được hạch toán vào chương tương ứng, mục 4050, tiểu mục 4054 của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 2. Thu ngân sách nhà nước đối với lợi nhuận còn lại của năm 2013 và năm 2014 sau khi trích nộp các quỹ theo quy định của pháp luật của các tập đoàn, tổng công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Doanh nghiệp thực hiện nộp ngân sách nhà nước phần lợi nhuận còn lại theo quy định tại Điều này gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của tổng công ty nhà nước;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con;

- SCIC.

2. Lợi nhuận còn lại năm 2013 và năm 2014 được xác định như sau:

a) Lợi nhuận còn lại của năm 2013 và năm 2014 của các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này (trừ SCIC) là lợi nhuận sau khi đã nộp thuế hoặc tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định trừ đi các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo thứ tự sau:

a.1) Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

a.2) **Bù đắp** khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

a.3) Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại tiết a.1 và tiết a.2 điểm này được trừ đi các khoản trích lập quỹ theo thứ tự sau:

- Khoản trích quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ 30%.
- Khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định.
- Khoản trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp theo quy định.
- Khoản trích các quỹ đặc thù từ lợi nhuận sau thuế theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

Riêng đối với năm 2013, doanh nghiệp đã tạm phân phối lợi nhuận và tạm trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì phần lợi nhuận còn lại nộp ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm được xác định theo thực tế đã tạm phân phối, tạm trích lập các quỹ. Khi quyết toán năm 2013, doanh nghiệp xác định lại khoản lợi nhuận nộp ngân sách nhà nước trên cơ sở mức phân phối, trích lập các quỹ theo quy định tại điểm này và được trừ khoản chi từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

b) Lợi nhuận còn lại của năm 2013 và năm 2014 của SCIC là lợi nhuận sau khi đã nộp thuế hoặc tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định trừ đi các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo thứ tự sau:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

- Khoản trích lập quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ 30%;

- Khoản trích lập quỹ thưởng viên chức quản lý, quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định;

- Khoản trích lập quỹ thưởng thành tích bán vốn theo mức 10% tính trên phần chênh lệch của tổng tiền thu bán vốn tiếp nhận trong năm trừ đi giá vốn được xác định lại theo Quy định tại Điều 8 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP, chi phí bán vốn và thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 03 tháng lương thực hiện.

Đối với SCIC ngoài việc thực hiện thu, nộp vào ngân sách khoản lợi nhuận quy định tại khoản này còn có trách nhiệm nộp vào ngân sách khoản lợi nhuận thu về Quỹ phát sinh trong năm 2013 và năm 2014 của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập 100% vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương là đại diện chủ sở hữu.

3. Điều tiết ngân sách nhà nước:

a) Lợi nhuận nộp ngân sách nhà nước quy định tại Điều này của các tập đoàn, tổng công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý được điều tiết 100% cho ngân sách trung ương.

b) Lợi nhuận nộp ngân sách nhà nước quy định tại Điều này của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập và quản lý được điều tiết 100% cho ngân sách địa phương.

#### 4. Khai, nộp ngân sách nhà nước:

Căn cứ số liệu trên Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện khai, nộp vào ngân sách nhà nước trước ngày 10 tháng 12 năm 2013 đối với số lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước tạm tính 09 tháng đầu năm 2013. Khi quyết toán năm 2013, doanh nghiệp nộp số còn lại chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Số phải nộp ngân sách nhà nước năm 2014 kê khai, nộp theo thời điểm kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý và thời điểm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014.

Trường hợp quyết toán năm 2013 và năm 2014 nếu phát sinh số đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số thực tế phải nộp thì doanh nghiệp được hoàn lại số tiền đã nộp thừa hoặc được giảm trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo.

Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này (trừ SCIC) kê khai tạm tính và kê khai quyết toán với cơ quan thuế nơi kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp số lợi nhuận còn lại quy định tại Điều này theo Tờ khai mẫu số 02A/TT-LNCL (đối với khai tạm tính) và Tờ khai mẫu số 02A/QT-LNCL (đối với khai quyết toán) ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với số lợi nhuận còn lại của SCIC quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, SCIC thực hiện kê khai tạm tính và kê khai quyết toán với Cục thuế nơi SCIC kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Tờ khai mẫu số 02B/TT-LNCL (đối với khai tạm tính) và Tờ khai mẫu số 02B/QT-LNCL (đối với khai quyết toán) ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với khoản lợi nhuận còn lại thu về Quỹ phát sinh trong năm 2013 và năm 2014 của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập 100% vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương là đại diện chủ sở hữu, SCIC thực hiện kê khai với cơ quan thuế nơi kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tờ khai mẫu số 02C/LNCL, bảng kê 02C-1/LNCL và bảng kê 02C-2/LNCL ban hành kèm theo Thông tư này đồng thời sao gửi bảng kê 02C-2/LNCL cho Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập 100% vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương là đại diện chủ sở hữu kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ bảng kê 02C-2/LNCL, SCIC lập giấy nộp tiền cho từng địa phương nơi được điều tiết khoản lợi nhuận còn lại của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập và quản

lý. Trên chứng từ nộp tiền phải ghi rõ nộp vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước cấp tỉnh nơi địa phương được điều tiết nguồn thu.

5. Khoản thu ngân sách nhà nước đối với phần lợi nhuận còn lại quy định tại Điều này được hạch toán vào chương tương ứng, mục 1150, tiểu mục 1151 của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

### **Điều 3. Thu, sử dụng tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia và tiền đợc, sử dụng tài liệu dầu khí năm 2013, 2014.**

1. Thu ngân sách nhà nước 75% tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" và các hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí, tiền đợc, sử dụng tài liệu dầu khí phát sinh năm 2013 và 2014.

Việc xác định, kê khai, nộp ngân sách nhà nước và quyết toán phần lãi nước chủ nhà và tiền đợc, sử dụng tài liệu dầu khí quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam và Thông tư số 56/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2008 hướng dẫn thực hiện kê khai, nộp và quyết toán các khoản thu của Nhà nước quy định tại Điều 18 Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 142/2007NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ.

Riêng năm 2013, PVN khai, nộp ngân sách nhà nước 75% tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà, tiền đợc, sử dụng tài liệu thực tế phát sinh của 11 tháng đầu năm trước ngày 10 tháng 12 năm 2013 và số thực tế phát sinh còn lại của năm 2013 trước ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Số tiền còn lại (25%) để lại cho Tập đoàn dầu khí Việt Nam đầu tư các dự án dầu khí trọng điểm và bổ sung một phần vào Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí.

Việc sử dụng tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia và tiền đợc, sử dụng tài liệu dầu khí còn lại (25%) nêu trên được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 142/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật khác liên quan.

### **Điều 4. Sử dụng quỹ dự trữ tài chính của địa phương để bù đắp giảm thu ngân sách địa phương**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phép sử dụng không quá 70% số dư quỹ dự trữ tài chính của địa phương để bù đắp phần giảm thu ngân sách địa phương năm 2013 trong trường hợp bị hụt thu cân đối ngân sách địa phương mà sau khi đã huy động các nguồn lực tài chính của địa phương và sắp xếp, bố trí lại các nhiệm vụ chi ngân sách vẫn không bù đắp đủ nguồn.

2. Việc quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính của địa phương được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành và quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 5. Miễn thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2013 và 2014 đối với hộ, cá nhân và tổ chức**

1. Miễn thuế khoán giá trị gia tăng năm 2013 năm 2014 đối với:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho thuê đối với công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh;

b) Hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ;

c) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cung ứng suất ăn ca cho công nhân.

Hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện được miễn thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán;

- Cam kết giữ ổn định mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ, giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2013 và năm 2014 không cao hơn mức giá tháng 12 năm trước liền kề. Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2013, năm 2014 thì mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca không được cao hơn mức giá đã thực hiện tháng 12 năm trước liền kề của hộ, cá nhân kinh doanh cùng ngành nghề, cùng địa bàn đã hoạt động từ trước năm 2013.

- Niêm yết công khai giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca tại cơ sở kinh doanh và thông báo cho chính quyền xã, phường nơi kinh doanh và cơ quan thuế quản lý trực tiếp biết về việc đã thực hiện mức giá không cao hơn mức giá tháng 12 năm trước liền kề ngay từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Căn cứ sổ bộ thuế năm 2013 đã được duyệt, cơ quan thuế có trách nhiệm lập danh sách hộ, cá nhân kinh doanh cho thuê phòng trọ, nhà trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân và sổ thuế được miễn, báo cáo ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan thuế cấp trên trực tiếp để theo dõi, kiểm tra. Đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan thuế và thông báo cho hộ, cá nhân kinh doanh biết.

Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng được miễn thuế khoán thuế GTGT năm 2013 đã nộp số tiền thuế khoán thuế GTGT các tháng của năm 2013 vào ngân sách nhà nước thì được xác định là nộp thừa thuế GTGT và được hoàn lại số thuế khoán thuế GTGT đã nộp hoặc được bù trừ với số thuế khoán thuế GTGT phải nộp của năm sau.

Đối với trường hợp hoàn thuế, cơ quan thuế lập danh sách các hộ, cá nhân kinh doanh được hoàn thuế theo từng địa bàn xã, phường và ban hành Quyết định hoàn thuế cho từng hộ, cá nhân kinh doanh.

Cơ quan thuế có trách nhiệm niêm yết công khai danh sách các hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân được hoàn thuế tại trụ sở cơ quan thuế.

Trường hợp kiểm tra, thanh tra phát hiện hộ, cá nhân kinh doanh không thực hiện đúng cam kết về giá nêu trên thì hộ, cá nhân không được miễn thuế và bị truy thu số tiền thuế đã miễn và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế đã được miễn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Miễn thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh năm 2013 và năm 2014 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân của doanh nghiệp, tổ chức (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho doanh nghiệp vận tải, hàng không để phục vụ khách hàng, hoạt động kinh doanh khác).

Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện được miễn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện:

- Được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;

- kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ;

- Cam kết giữ ổn định mức giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2013 và năm 2014 không cao hơn mức giá tháng 12 năm trước liền kề đối với doanh nghiệp, tổ chức đã hoạt động kinh doanh từ năm 2012 trở về trước; đối với doanh nghiệp, tổ chức bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2013, năm 2014 mức giá cung ứng suất ăn ca không được cao hơn mức giá đã thực hiện tháng 12 năm trước liền kề của doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca đã hoạt động từ trước năm 2012 trên cùng địa bàn.

- Công khai niêm yết giá cung ứng suất ăn ca cho công nhân tại trụ sở kinh doanh và thông báo cho chính quyền xã, phường nơi kinh doanh và cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh thì phải thực hiện kê khai riêng doanh thu, thuế giá trị gia tăng đầu vào, thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động cung ứng suất ăn ca để xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh được miễn năm 2013 và năm 2014 của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân.

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của từng tháng trong năm 2013 và năm 2014 được miễn được xác định như sau:

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
| Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân | = | Số thuế GTGT đầu ra của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân | - | Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân |
|---|---|---|---|--|

Trong đó:

a) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân bằng (=) Tổng số thuế giá trị gia tăng của suất ăn ca cho công nhân bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng bằng (=) giá tính thuế

của suất ăn ca cho công nhân bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng (10%).

b) Xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được khấu trừ toàn bộ.

- Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân nếu hạch toán riêng được thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được xác định theo số hạch toán riêng. Trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh số hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân so với tổng doanh số chịu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh và không hạch toán riêng được doanh thu, thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra của hoạt động cung ứng suất ăn ca và các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác nên không xác định được chính xác số thuế giá trị gia tăng phải nộp được miễn của tháng phát sinh thì số thuế giá trị gia tăng được miễn được xác định như sau:

$$\text{Thuế GTGT được miễn} = \text{Số thuế GTGT phát sinh phải nộp theo Tờ khai của tháng phát sinh} \times \frac{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân}}{\text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT}}$$

Trong đó:

$$\text{Số thuế GTGT phát sinh phải nộp} = \text{Tổng số thuế GTGT đầu ra} - \text{Tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh của kỳ tính thuế (không bao gồm số thuế GTGT âm kỳ trước chuyển sang)}$$

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức không phát sinh số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo công thức trên (tức doanh nghiệp, tổ chức có số thuế giá trị gia tăng phát sinh âm) thì không thực hiện miễn thuế giá trị gia tăng.

Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện được miễn thuế nếu chưa kê khai miễn số thuế GTGT phải nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 thì thực hiện kê khai bổ sung điều chỉnh. Sau khi kê khai số thuế được miễn nếu có số thuế nộp thừa được bù trừ vào số thuế GTGT phải nộp của hoạt động khác hoặc số thuế GTGT phải nộp của kỳ tính thuế tiếp theo hoặc đề nghị hoàn thuế theo quy định.

Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện được miễn thuế phải hạch toán số thuế giá trị gia tăng phải nộp được miễn vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp qua thanh tra, kiểm tra phát hiện doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thực hiện không đúng cam kết về giá thì doanh nghiệp, tổ chức không được miễn thuế giá trị gia tăng phải nộp. Trường hợp không được miễn thuế mà đã kê khai miễn thuế thì bị truy thu số tiền thuế đã miễn và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế đã được miễn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thủ tục hồ sơ khai thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính và Phụ lục Miễn thuế giá trị gia tăng (Mẫu số 03/MT-GTGT ban hành kèm theo Thông tư này).

- Chỉ tiêu 07 “Thuế GTGT của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn” trên Phụ lục Mẫu số 03/MT-GTGT được tổng hợp vào chỉ tiêu 38 “Điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên Tờ khai thuế GTGT Mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp khai bổ sung thuế GTGT được miễn của các tháng trước thì tổng hợp các chỉ tiêu 07 của các Phụ lục Mẫu số 03/MT-GTGT của các tháng trước lên chỉ tiêu 38 “Điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên Tờ khai thuế GTGT Mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính.

3. Miễn thuế khoán thuế thu nhập cá nhân năm 2013 và năm 2014 đối với hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân

Miễn số thuế khoán thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014 đối với hộ, cá nhân kinh doanh cho công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh thuê nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân với điều kiện giữ ổn định mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ, giá cung ứng suất ăn ca cho công nhân không cao hơn mức giá tháng 12 năm trước liền kề.

Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh mới bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2013, năm 2014 mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ; giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca cho công nhân không được cao hơn mức giá tháng 12 năm 2012 của hộ, cá nhân kinh doanh cùng ngành nghề, cùng địa bàn đã hoạt động từ trước năm 2013.

Kê khai thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán được miễn thuế:

Hộ, cá nhân kinh doanh cho công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh thuê nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện miễn thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều này được miễn toàn bộ số thuế phải nộp năm 2013 và năm 2014.

Hộ, cá nhân kinh doanh phải niêm yết công khai giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ; giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca cho công nhân tại trụ sở

kinh doanh không cao hơn mức giá tháng 12 năm trước liền kề. Hộ, cá nhân kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và chính quyền cấp phường, xã đã thực hiện giá không cao hơn giá tháng 12 năm trước liền kề ngay từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Hộ, cá nhân kinh doanh được miễn thuế không phải kê khai lại tờ khai thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm lập danh sách hộ, cá nhân kinh doanh cho thuê phòng trọ, nhà trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân và số thuế được miễn, báo cáo uỷ ban nhân dân cùng cấp và cơ quan thuế cấp trên trực tiếp để theo dõi, kiểm tra. Đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan thuế và thông báo cho hộ, cá nhân kinh doanh biết.

Trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước khác có chức năng thanh tra, kiểm tra phát hiện hộ, cá nhân kinh doanh trong năm 2013, năm 2014 không thực hiện đúng giá thì hộ, cá nhân kinh doanh không được miễn thuế hoặc hoàn số thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước. Số thuế đã được miễn hoặc hoàn sẽ bị truy thu và phạt về hành vi vi phạm về thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ, chăm sóc trông giữ trẻ, cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện được miễn thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều này đã nộp số thuế thu nhập cá nhân quý I, quý II năm 2013 (kể cả trường hợp đã nộp thuế quý III năm 2013 do chưa nhận được thông báo miễn thuế của cơ quan thuế) vào Ngân sách nhà nước thì được hoàn lại số thuế đã nộp. Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý lập danh sách các hộ, cá nhân kinh doanh được hoàn thuế theo từng địa bàn xã, phường và ban hành Quyết định hoàn thuế cho từng hộ, cá nhân kinh doanh.

Cơ quan thuế có trách nhiệm niêm yết công khai danh sách các hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc, trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân được hoàn thuế tại trụ sở cơ quan thuế.

#### 4. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh năm 2013 năm 2014 đối với thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân của doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động cung ứng suất ăn ca.

##### a) Điều kiện áp dụng miễn thuế:

Doanh nghiệp, tổ chức được miễn thuế TNDN theo quy định tại Điều này là đơn vị được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai

Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn thuế theo quy định tại Điều này và phải cam kết giữ ổn định mức giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2013 và năm 2014 không cao hơn mức giá tháng 12 năm trước liền kề. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện đúng cam kết về giá thì doanh nghiệp, tổ chức không được miễn thuế theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

b) Xác định số thuế được miễn như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức xác định được cụ thể doanh thu, chi phí và thu nhập chịu thuế của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân năm 2013, năm 2014 thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn của năm 2013, năm 2014 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được xác định trên cơ sở số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phát sinh phải nộp năm 2013, năm 2014 mà doanh nghiệp, tổ chức xác định được.

- Trường hợp trong kỳ tính thuế năm 2013, năm 2014 doanh nghiệp, tổ chức không hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn thuế năm 2013, năm 2014 xác định bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm thu nhập khác) nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) của doanh thu hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân so với tổng doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm thu nhập khác) của doanh nghiệp, tổ chức trong năm 2013, năm 2014.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn đối với thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân không bao gồm số thuế tính trên thu nhập từ hoạt động cung ứng suất ăn ca cho doanh nghiệp vận tải, hàng không để phục vụ khách hàng và số thuế tính trên thu nhập của hoạt động kinh doanh khác.

c) kê khai thuế:

Doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được miễn thuế theo quy định tại Điều này thực hiện kê khai số thuế miễn theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Doanh nghiệp, tổ chức phải lập Phụ lục Miễn, giảm thuế TNDN (Mẫu số 04/MT-TNDN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp, trong đó xác định rõ: Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được giảm thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm thuế, miễn thuế. Đồng thời kê khai tổng hợp số thuế được giảm, miễn vào chỉ tiêu mã số [35] trên tờ khai mẫu số 01A/TNDN hoặc chỉ tiêu mã số [30] trên tờ khai mẫu số 01B/TNDN, chỉ tiêu mã số [C12] trên tờ khai mẫu số 03/TNDN (ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính).

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã thực hiện việc kê khai theo quy định nhưng chưa kê khai để được miễn thuế theo quy định tại Điều này thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có thực hiện kê khai bổ sung quý I/2013, quý II/2013 thì hồ sơ khai bổ sung miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp gồm: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý I/2013 và quý II/2013 đã bổ sung số thuế được miễn, giảm; Phụ lục Miễn, giảm thuế TNDN quý I/2013 và quý II/2013 tại Khoản 1 nêu trên.

Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc diện được miễn thuế theo quy định đã kê khai, nộp số thuế được miễn của quý I, quý II năm 2013 vào ngân sách nhà nước thì được bù trừ số thuế được miễn vào số thuế còn phải nộp quý III, quý IV năm 2013 và số chênh lệch còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2013 của các hoạt động kinh doanh khác. Trường hợp chưa bù trừ hết với số phải nộp thêm sau quyết toán thuế năm 2013 thì doanh nghiệp, tổ chức có thể đề nghị bù trừ với số phải nộp của năm tiếp theo hoặc đề nghị hoàn thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp của thời gian được miễn thuế theo quy định tại Điều này mà lớn hơn số thuế đơn vị tự kê khai (kể cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này đã kê khai nhưng chưa xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn) thì doanh nghiệp, tổ chức được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định tại Thông tư này (kể cả số thuế thu nhập doanh nghiệp phát hiện tăng thêm và số thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc đối tượng được miễn thuế theo quy định tại Thông tư này nhưng chưa xác định số thuế miễn).

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn thuế theo quy định tại Điều này nhỏ hơn so với đơn vị tự kê khai thì doanh nghiệp, tổ chức chỉ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thuế thu nhập doanh nghiệp do kiểm tra, thanh tra phát hiện.

Tùy theo mức độ vi phạm của doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra áp dụng các mức xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.

## **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể ngày 05 tháng 12 năm 2013.

## **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo Người đại diện theo ủy quyền phân vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp kiểm tra, đôn đốc doanh nghiệp nộp các khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này; doanh nghiệp sao gửi chứng từ nộp tiền về Tổng cục Thuế, SCIC để phối hợp đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thu nộp.

2. Trách nhiệm của cơ quan Thuế các cấp:

- Đôn đốc, thu kịp thời các khoản nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư này;

- Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân liên quan để đơn đốc, kiểm tra việc thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với những khoản nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này;

- Tổ chức thực hiện và hướng dẫn các tổ chức, hộ, cá nhân thuộc diện được miễn thuế khoán để thực hiện việc miễn thuế theo quy định tại Thông tư này.

### 3. Trách nhiệm của các doanh nghiệp (trừ SCIC):

a) Công ty cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương đại diện chủ sở hữu, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập 100% vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm nộp số cổ tức, lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước về Quỹ theo quy định Thông tư này đồng thời gửi kèm theo thông báo về khoản nộp (bao gồm cả thông tin về tên doanh nghiệp, mã số thuế) cho SCIC để theo dõi, đối chiếu.

b) Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này (trừ SCIC) có trách nhiệm đơn đốc, thu cổ tức và phần lợi nhuận được chia từ phần vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác; và nộp phần lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

### 4. Trách nhiệm của SCIC:

- Đơn đốc, thu về Quỹ các khoản cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước và phần lợi nhuận phải nộp ngân sách của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập 100% vốn nhà nước do các Bộ, ngành, địa phương là đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư này.

- Nộp ngân sách nhà nước các khoản thu về Quỹ và phần lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước của SCIC theo quy định tại Thông tư này.

- Phối hợp với các cơ quan thuế để đơn đốc thu vào ngân sách khoản lợi nhuận còn lại của các doanh nghiệp khác quy định tại Thông tư này.

5. Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam, các đơn vị khai thác hoặc nhà thầu Việt Nam được Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam ủy quyền kê khai, nộp thuế có trách nhiệm thực hiện kê khai, nộp vào ngân sách nhà nước 75% phần lãi nước chủ nhà, tiền đọc, sử dụng tài liệu dầu khí theo quy định tại Thông tư này.

6. Hội đồng thành viên tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác đơn đốc doanh nghiệp:

- Tạm nộp lợi nhuận, cổ tức 09 tháng đầu năm 2013 và cả năm 2013, năm 2014 tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về công ty mẹ để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng quy định, thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và nộp kịp thời cổ tức được chia về tập đoàn, tổng công ty nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7. Hội đồng tư vấn thuế xã, phường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giá ở địa phương xác nhận và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cam kết giữ ổn định giá của hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại Điều 5 Thông tư này.

8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (TN).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**CÓ TỨC ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2013/QH13 VÀ NGHỊ**  
**QUYẾT SỐ 57/2013/QH13**

Dành cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

[01] Kỳ kê khai: lần phát sinh .....

Tháng.....năm.....

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : .....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: ..... [08] tỉnh/thành phố: .....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email: .....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: ..... [16] tỉnh/thành phố: .....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email: .....

[20] Hợp đồng đại lý số: ..... ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| STT        | Chi tiêu  | Mã chi tiêu | Số tiền |
|------------|---|-------------|---------|
| (1)        | (2)   | (3)         | (4)     |
| <b>I</b>   | <b>Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được (SCIC phải thu) ([21]=[22]+[23]+[24])</b>   | [21]        |         |
| 1          | Số cổ tức tạm chia của năm 2013/2014  | [22]        |         |
| 2          | Số cổ tức còn lại được chia theo quyết toán tài chính năm 2013/2014   | [23]        |         |
| 3          | Số cổ tức của các năm trước năm 2013 được chia trong năm 2013/2014  | [24]        |         |
| <b>II</b>  | <b>Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được đã nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đặt tại SCIC (SCIC đã thu và phải nộp NSNN) ([25] = [26] + [27])</b> | [25]        |         |
| 1          | Số cổ tức được chia đã nộp vào Quỹ kể từ ngày 1/1/2013 đến hết ngày 10/12/2013  | [26]        |         |
| 2          | Số cổ tức được chia đã nộp vào Quỹ từ ngày 11/12/2013 đến ngày 31/12/2014   | [27]        |         |
| <b>III</b> | <b>Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được (SCIC còn phải thu) ([28] = [21] - [25])</b>  | [28]        |         |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

Ngày..... tháng..... năm.....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**Hướng dẫn kê khai một số chỉ tiêu trên tờ khai:**

- [01]: Kỳ kê khai: theo lần phát sinh hoặc theo tháng
- + Đối với số cổ tức nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư này thì thời hạn kê khai trước ngày 15/12/2013
- + Đối với khoản cổ tức nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư này thì thực hiện khai hàng tháng chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng thu được số cổ tức được chia vào quỹ theo quy định
- [21]: Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được (SCIC phải thu) ( $[21]=[22]+[23]+[24]$ ), chỉ tiêu này bằng tổng cột (5) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC
- [22]: Số cổ tức còn lại được chia theo quyết toán tài chính năm 2013/2014, chỉ tiêu này bằng tổng cột (6) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC
- [23]: Số cổ tức tạm chia của năm 2013/2014, chỉ tiêu này bằng tổng cột (7) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC
- [24]: Số cổ tức của các năm trước năm 2013 được chia trong năm 2013/2014, chỉ tiêu này bằng tổng cột (8) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC
- [25]: Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được đã nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đặt tại SCIC (SCIC đã thu và phải nộp NSNN) ( $[25] = [26] + [27]$ ), chỉ tiêu này bằng tổng cột (9) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC
- [26]: Số cổ tức được chia đã nộp vào Quỹ kể từ ngày 1/1/2013 đến hết ngày 10/12/2013, chỉ tiêu này bằng tổng cột (10) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC
- [27]: Số cổ tức được chia đã nộp vào Quỹ từ ngày 11/12/2013 đến ngày 31/12/2014, chỉ tiêu này bằng tổng cột (11) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC
- [28]: Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được (SCIC còn phải thu) ( $[28] = [21] - [25]$ ), chỉ tiêu này bằng tổng cột (12) trên bảng kê 01-1/CTĐC gửi kèm tờ khai 01/CTĐC

| STT | Mô tả   | Chỉ tiêu |
|-----|---|----------|
| 1   | Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được (SCIC phải thu)  | [21]     |
| 2   | Số cổ tức còn lại được chia theo quyết toán tài chính năm 2013/2014   | [22]     |
| 3   | Số cổ tức tạm chia của năm 2013/2014  | [23]     |
| 4   | Số cổ tức của các năm trước năm 2013 được chia trong năm 2013/2014  | [24]     |
| 5   | Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được đã nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đặt tại SCIC (SCIC đã thu và phải nộp NSNN) | [25]     |
| 6   | Số cổ tức được chia đã nộp vào Quỹ kể từ ngày 1/1/2013 đến hết ngày 10/12/2013  | [26]     |
| 7   | Số cổ tức được chia đã nộp vào Quỹ từ ngày 11/12/2013 đến ngày 31/12/2014   | [27]     |
| 8   | Số cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước của doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành địa phương làm đại diện chủ sở hữu nhận được (SCIC còn phải thu)  | [28]     |



2. Date: 15/05/2024

3. Name of the contractor: ABC Construction Ltd

| Activity                   | ES | EF | LS | LF | Duration | Notes                                   |
|----------------------------|----|----|----|----|----------|---|
| Site preparation           | 0  | 5  | 0  | 5  | 5        | Clearing and leveling the site.         |
| Foundation work            | 5  | 15 | 5  | 15 | 10       | Excavation and pouring concrete.        |
| Structural steelwork       | 5  | 25 | 5  | 25 | 20       | Erection of steel beams and columns.    |
| Roof construction          | 15 | 25 | 15 | 25 | 10       | Installation of roof trusses and tiles. |
| Internal wall construction | 15 | 35 | 15 | 35 | 20       | Brickwork and plastering.               |
| External wall construction | 25 | 35 | 25 | 35 | 10       | Brickwork and rendering.                |
| Roof finishing             | 25 | 35 | 25 | 35 | 10       | Final roof covering and waterproofing.  |
| Internal finishing         | 35 | 45 | 35 | 45 | 10       | Painting and fitting of doors/windows.  |
| External finishing         | 35 | 45 | 35 | 45 | 10       | Final landscaping and paving.           |
| Handover                   | 45 | 45 | 45 | 45 | 0        | Project completion.                     |



4. Total duration: 45 days

5. Remarks: The project is on schedule and all activities are completed as planned.

6. Signature: \_\_\_\_\_

7. Date: 15/05/2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**LỢI NHUẬN CÒN LẠI PHẢI NỘP NSNN TẠM TÍNH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2013/QH13 VÀ**  
**NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2013/QH13**

Dành cho các Tập đoàn, Tổng công ty do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ (trừ SCIC)

[01] Kỳ kê khai: Từ tháng 1/2013 đến tháng 9/2013 hoặc Quý....năm...

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : .....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: ..... [08] tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: ..... [16] tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý số: ..... ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| STT<br>(1) | Chỉ tiêu<br>(2)  | Mã số<br>(3) | Số tiền<br>(4) |
|------------|--|--------------|----------------|
| 1          | Lợi nhuận sau thuế TNDN  | [21]         |                |
| 2          | Các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ<br>([22]=[23]+[24]+...+[28])               | [22]         |                |
| 2.1        | Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng<br>(nếu có)                      | [23]         |                |
| 2.2        | Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi<br>nhuận trước thuế                   | [24]         |                |
| 2.3        | Quỹ đầu tư phát triển  | [25]         |                |
| 2.4        | Quỹ khen thưởng, phúc lợi  | [26]         |                |
| 2.5        | Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp  | [27]         |                |
| 2.6        | Trích các quỹ đặc thù từ lợi nhuận sau thuế theo quy định của Chính<br>phủ, Thủ tướng chính phủ (nếu có) | [28]         |                |
| 3          | Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN ([29]=[21]-[22])   | [29]         |                |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

Ngày..... tháng..... năm.....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**Hướng dẫn một số chỉ tiêu trên Tờ khai:**

- Chỉ tiêu [21]: là lợi nhuận sau chi trừ đi thuế TNDN phải nộp theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý tương ứng của kỳ kê khai
- Chỉ tiêu [22]: là tổng các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ trong kỳ, xác định bằng công thức: [22]=[23]+[24]+...+[28]





**Hướng dẫn một số chỉ tiêu trên Tờ khai:**

- Chỉ tiêu [21]: là lợi nhuận sau khi trừ đi thuế TNDN phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm tương ứng
- Chỉ tiêu [22]: là tổng các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ trong năm, xác định bằng công thức:  
 $[22]=[23]+[24]+...+[28]$
- Chỉ tiêu [23], [24]..., [28]: là các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ trong năm
- Chỉ tiêu [29]: là lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN trong năm, được xác định bằng công thức:  $[29]=[21]-[22]$
- Chỉ tiêu [30]: là tổng lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN tạm tính đã kê khai các quý trong năm
- Chỉ tiêu [31]: là chênh lệch giữa lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN theo quyết toán với số đã kê khai trong năm, được xác định bằng công thức:  $[31]=[29]-[30]$

| STT | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|---|-------------|---------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế TNDN   |             | [21]    |
| 2   | Tổng các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ                          |             | [22]    |
| 3   | Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN trong năm   |             | [29]    |
| 4   | Tổng lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN tạm tính đã kê khai các quý trong năm                  |             | [30]    |
| 5   | Chênh lệch giữa lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN theo quyết toán với số đã kê khai trong năm |             | [31]    |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**LỢI NHUẬN CÒN LẠI PHẢI NỘP NSNN TẠM TÍNH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ**  
**54/2013/QH13 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2013/QH13**

*Dành cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)*

[01] Kỳ kê khai: Từ tháng 1/2013 đến tháng 9/2013 hoặc Quý....năm...

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế :.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: ..... [08] tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: ..... [16] tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế số: ..... ngày..... tháng..... năm.....

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

| STT | Chi tiêu  | Mã số | Số tiền |
|-----|---|-------|---------|
| (1) | (2)   | (3)   | (4)     |
| 1   | Lợi nhuận sau thuế TNDN   | [21]  |         |
| 2   | Các khoản phân phối, trích lập ([22]=[23]+[24]+...+[29])                            | [22]  |         |
| 2.1 | Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có)    | [23]  |         |
| 2.2 | Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế | [24]  |         |
| 2.3 | Trích lập quỹ đầu tư phát triển (30%)   | [25]  |         |
| 2.4 | Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi   | [26]  |         |
| 2.5 | Trích lập Quỹ thưởng Viên chức quản lý Tổng công ty                                 | [27]  |         |
| 2.6 | Trích lập Quỹ thưởng thành tích bán vốn theo quy định                               | [28]  |         |
| 2.7 | Trích lập khác theo quy định được trừ (nếu có)                                      | [29]  |         |
| 3   | Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN ([30]=[21]-[22])                                    | [30]  |         |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

Ngày..... tháng..... năm.....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**Hướng dẫn một số chỉ tiêu trên Tờ khai:**

- Chỉ tiêu [21]: là lợi nhuận sau khi trừ đi thuế TNDN phải nộp theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý tương ứng của kỳ kê khai
- Chỉ tiêu [22]: là tổng các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ trong kỳ, xác định bằng công thức:  $[22]=[23]+[24]+...+[29]$
- Chỉ tiêu [23],[24],...,[29]: là các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ trong kỳ
- Chỉ tiêu [30]: là lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN trong kỳ, được xác định bằng công thức:  $[30]=[21]-[22]$

| STT | Mã số | Chỉ tiêu  |
|-----|-------|---|
| 1   | [21]  | Lợi nhuận sau thuế TNDN   |
| 2   | [22]  | Tổng các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ trong kỳ |
| 3   | [23]  | Chi phí phúc lợi xã hội   |
| 4   | [24]  | Chi phí khen thưởng   |
| 5   | [25]  | Chi phí trích lập các quỹ   |
| 6   | [26]  | Chi phí trích lập quỹ lương   |
| 7   | [27]  | Chi phí trích lập quỹ lương   |
| 8   | [28]  | Chi phí trích lập quỹ lương   |
| 9   | [29]  | Chi phí trích lập quỹ lương   |
| 10  | [30]  | Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN   |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN**  
**LỢI NHUẬN CÒN LẠI PHẢI NỘP NSNN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2013/QH13 VÀ**  
**NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2013/QH13**

*Dành cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)*

[01] Kỳ kê khai: Năm....

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế :.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: ..... [08] tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: ..... [16] tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế số: ..... ngày..... tháng..... năm.....

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

| STT | Chi tiêu  | Mã số | Số tiền |
|-----|---|-------|---------|
| (1) | (2)   | (3)   | (4)     |
| 1   | Lợi nhuận sau thuế TNDN   | [21]  |         |
| 2   | Các khoản phân phối, trích lập ([22]=[23]+[24]+...+[29])  | [22]  |         |
| 2.1 | Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có)                          | [23]  |         |
| 2.2 | Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp | [24]  |         |
| 2.3 | Trích lập quỹ đầu tư phát triển (30%)   | [25]  |         |
| 2.4 | Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi   | [26]  |         |
| 2.5 | Trích lập Quỹ thưởng Viên chức quản lý Tổng công ty   | [27]  |         |
| 2.6 | Trích lập Quỹ thưởng thành tích bán vốn theo quy định   | [28]  |         |
| 2.7 | Trích lập khác theo quy định được trừ (nếu có)  | [29]  |         |
| 3   | Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN ([30]=[21]-[22])  | [30]  |         |
| 4   | Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN tạm tính đã kê khai trong năm   | [31]  |         |
| 5   | Chênh lệch Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN theo quyết toán với số đã kê khai trong năm ([32]=[30]-[31])   | [32]  |         |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

Ngày..... tháng..... năm.....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**



Mẫu số: 02C/LNCL  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số  
 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013  
 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**LỢI NHUẬN CÒN LẠI NỘP VỀ QUỸ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2013/QH13 VÀ**  
**NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2013/QH13**

*Dành cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) (\*)*

[01] Kỳ kê khai: Từ tháng 1/2013 đến tháng 9/2013 hoặc Quý.....năm.....

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế :.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: ..... [08] tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: ..... [16] tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế số: ..... ngày..... tháng..... năm.....

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

| STT | Chi tiêu   | Mã số | Số tiền |
|-----|--|-------|---------|
| (1) | (2)  | (3)   | (4)     |
| 1   | Khoản lợi nhuận còn lại đã thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp từ lợi nhuận còn lại của các Công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước ([21]=[22]+[23])             | [21]  |         |
| 2   | Khoản lợi nhuận còn lại của các công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ (SCIC đã thu) | [22]  |         |
| 3   | Khoản lợi nhuận còn lại của các công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW (SCIC đã thu)                       | [23]  |         |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

Ngày..... tháng..... năm.....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**Hướng dẫn một số chỉ tiêu trên Tờ khai:**

(\* ) Dành cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), SCIC chi khai vào tờ khai này khoản lợi nhuận còn lại thu về Quỹ phát sinh trong năm 2013 và năm 2014 của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập 100% vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương là đại diện chủ sở hữu.

- Chỉ tiêu [21]: là tổng khoản lợi nhuận còn lại đã thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp từ lợi nhuận còn lại của các Công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước trong kỳ, xác định bằng công thức: [21]=[22]+[23]

- Chỉ tiêu [22]: Khoản lợi nhuận còn lại của các công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ đã nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong kỳ, chỉ tiêu này được lấy từ dòng tổng cộng của cột (7) trên Bảng kê mẫu số 02C-1/LNCL kèm theo tờ khai

- Chỉ tiêu [23]: Khoản lợi nhuận còn lại của các công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW đã nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong kỳ, chỉ tiêu này được lấy từ dòng tổng cộng của cột (6) trên Bảng kê mẫu số 02C-2/LNCL kèm theo tờ khai

| STT | Tên công ty | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|-------------|----------|-------------|---------|
| 1   |             | [21]     |             |         |
| 2   |             | [22]     |             |         |
| 3   |             | [23]     |             |         |





Mẫu số: 02C-2/LNCL

(Ban hành kèm theo Thông tư số  
187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013  
của Bộ Tài chính)

### BẢNG KÊ LỢI NHUẬN CÒN LẠI NỘP VỀ QUỸ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2013/QH13 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2013/QH13

Của các của các Công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc ương thành lập và quản lý  
(Kèm theo Tờ khai Lợi nhuận còn lại nộp về Quỹ theo Nghị quyết số 54/2013/QH13 và Nghị quyết số 57/2013/QH13 mẫu số 02C/LNCL)

[01] Kỳ kê khai: Từ tháng 01/2013 đến tháng 9/2013 hoặc Quý...Năm...

[02] Tên người nộp thuế : .....  
[03] Mã số thuế: .....  
[04] Tên đại lý thuế (nếu có): .....  
[05] Mã số thuế: .....

|                  |                        | Đơn vị tiền: đồng Việt Nam |                 |                   |  |  |  |
|------------------|------------------------|----------------------------|-----------------|-------------------|--|--|--|
| STT              | MST                    | Tên doanh nghiệp           | Tỉnh, thành phố | Cơ quan thành lập | Khoản lợi nhuận còn lại của các công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW (SCIC phải thu) | Khoản lợi nhuận còn lại của các công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW (SCIC đã thu) | Khoản lợi nhuận còn lại của các công ty TNHH MTV độc lập 100% vốn nhà nước được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW (SCIC còn phải thu) |
| (1)              | (2)                    | (3)                        | (4)             | (5)               | (6)  | (7)=(5)-(6)  |  |
| I                | Cộng tỉnh/thành phố A: |                            |                 |                   |  |  |  |
| 1                | .....                  | .....                      |                 |                   |  |  |  |
| 2                | .....                  | .....                      |                 |                   |  |  |  |
| II               | Cộng tỉnh/thành phố B: |                            |                 |                   |  |  |  |
| 1                | .....                  | .....                      |                 |                   |  |  |  |
| 2                | .....                  | .....                      |                 |                   |  |  |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                        |                            |                 |                   |  |  |  |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)





**Hướng dẫn một số chỉ tiêu trên Tờ khai:**

- [06] Là tổng số liệu tại dòng (\*\*\*) trên Phụ lục 01-1/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- [07] Là tổng số liệu tại cột 09 của các dòng có hóa đơn GTGT bán ra thuộc hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân trong kỳ trên Phụ lục 01-1/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- [08] Bằng tỷ lệ (%) giữa chỉ tiêu [7] so với chỉ tiêu [6] trên Phụ lục 03/MT-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC.
- [09] Là tổng số liệu tại cột 10 của các dòng có hóa đơn GTGT bán ra thuộc hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân trong kỳ tại chỉ tiêu 4 “Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%” trên Phụ lục 01-1/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- [10] Là tổng số liệu tại cột 11 của các dòng có hóa đơn GTGT mua vào dùng riêng cho hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân trong kỳ thuộc chỉ tiêu 1 “Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế” trên Phụ lục 01-2/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- [11] Là tổng số liệu tại cột 11 của các dòng có hóa đơn GTGT mua vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định dùng cho hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân và các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác tại chỉ tiêu 1 “Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế” trên Phụ lục 01-2/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- [12] Bằng chỉ tiêu [11] nhân (x) với chỉ tiêu [8] trên Phụ lục 03/MT-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC.
- [13] Bằng số liệu tại chỉ tiêu [9] trừ số liệu tại chỉ tiêu [10] trừ số liệu tại chỉ tiêu [12] trên Phụ lục 03/MT-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC./.
- [14] Là tổng số liệu tại dòng (\*\*\*\*) trên Phụ lục 01-1/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- [15] Bằng tổng số liệu tại cột [11] trên Phụ lục 01-2/GTGT cộng với dòng 5 Phụ lục 01-4A ban hành kèm Thông tư số 156/2013/TT-BTC.
- [16] Bằng chỉ tiêu [14] trừ chỉ tiêu [15] trên Phụ lục 03/MT-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC.
- [17] Bằng chỉ tiêu [16] nhân (x) chỉ tiêu [8] trên Phụ lục 03/MT-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC.

**PHỤ LỤC**

**MIỄN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2013/QH13 VÀ  
 NGHỊ QUYẾT SỐ 57/2013/QH13**

(Kèm theo Tờ khai thuế TNDN số..... quý.....năm.....)

hoặc Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN năm.....)

[01] Kỳ tính thuế: quý...năm... hoặc ....từ... đến...

[02] Tên người nộp thuế :.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| STT      | Chỉ tiêu   | Mã số       | Số tiền |
|----------|--|-------------|---------|
| (1)      | (2)  | (3)         | (4)     |
| <b>A</b> | <b>Trường hợp hạch toán riêng được thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân</b>                          | <b>[06]</b> |         |
| 1        | Tổng doanh thu của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân trong kỳ  | [07]        |         |
| 2        | Tổng chi phí của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân trong kỳ  | [08]        |         |
| 3        | suất ăn ca cho công nhân phát sinh trong kỳ<br>([09]=[07]-[08])  | [09]        |         |
| 4        | Thuế suất thuế TNDN  | [10]        |         |
| 5        | cho công nhân được miễn trong kỳ<br>([11]=[09]x[10])   | [11]        |         |
| <b>B</b> | <b>Trường hợp không hạch toán riêng được thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho</b>                              | <b>[12]</b> |         |
| 1        | Tổng thu nhập chịu thuế của hoạt động SXKD trong kỳ (không bao gồm thu nhập khác)  | [13]        |         |
| 2        | Tỷ lệ % giữa doanh thu của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân so với tổng doanh thu của hoạt động SXKD trong kỳ | [14]        |         |
| 3        | suất ăn ca cho công nhân phát sinh trong kỳ<br>([15]=[13]x[14])  | [15]        |         |
| 4        | Thuế suất thuế TNDN  | [16]        |         |
| 5        | cho công nhân được miễn trong kỳ<br>([17]=[15]x[16])   | [17]        |         |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

Ngày..... tháng..... năm.....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

**Hướng dẫn một số chỉ tiêu trên Tờ khai:**

**A- Trường hợp hạch toán riêng được thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân**

- Chỉ tiêu [06]: là tổng doanh thu của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân phát sinh trong kỳ
- Chỉ tiêu [07]: là tổng chi phí của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân phát sinh trong kỳ
- Chỉ tiêu [08]: là thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân phát sinh trong kỳ, được xác định bằng công thức:  $[07]=[06]-[07]$
- Chỉ tiêu [09]: là mức thuế suất thuế TNDN doanh nghiệp đang được hưởng
- Chỉ tiêu [10]: là thuế TNDN của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn trong kỳ, được xác định bằng công thức:  $[10]=[08] \times [09]$

**B- Trường hợp không hạch toán riêng được thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân**

- Chỉ tiêu [13]: là tổng thu nhập chịu thuế của hoạt động SXKD phát sinh trong kỳ (không bao gồm thu nhập khác)
- Chỉ tiêu [14]: là tỷ lệ % giữa doanh thu của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân so với tổng doanh thu của hoạt động SXKD phát sinh trong kỳ
- Chỉ tiêu [15]: là thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân phát sinh trong kỳ, được xác định bằng công thức:  $[15]=[13] \times [14]$
- Chỉ tiêu [16]: là mức thuế suất thuế TNDN doanh nghiệp đang được hưởng
- Chỉ tiêu [17]: là thuế TNDN của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn trong kỳ, được xác định bằng công thức:  $[17]=[15] \times [16]$

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị |
|----------|-------------|---------|
| [06]     |             |         |
| [07]     |             |         |
| [08]     |             |         |
| [09]     |             |         |
| [10]     |             |         |
| [13]     |             |         |
| [14]     |             |         |
| [15]     |             |         |
| [16]     |             |         |
| [17]     |             |         |